

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532



QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 518/QĐ-HĐQT
ngày 24/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty)*

Tháng 12/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG SƠN 532**
Số : 518 /QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin
Công ty cổ phần Trường Sơn 532

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Trường Sơn 532 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Giấy chứng nhận số 62/2019/GCNCP-VSD ngày 09/12/2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chứng nhận đã đăng ký và cấp mã chứng khoán tại Trung tâm;

Căn cứ Nghị quyết số 11 /NQ-HĐQT ngày 20/7/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532 v/v ban hành các quy chế, quy định áp dụng trong Công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Trường Sơn 532.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3,
- Lưu TCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đại tá
ĐẶNG VĂN QUÂN

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 12 năm 2019

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 518/QĐ-HĐQT ngày 24/12/2019
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trường Sơn 532)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 (sau đây viết tắt là Công ty) với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các Phòng ban và cá nhân thuộc Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Điều lệ” là điều lệ của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) “Công bố thông tin định kỳ” là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật;

c) “Công bố thông tin bất thường” là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường;

d) “Công bố thông tin theo yêu cầu” là việc Công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo yêu cầu của nơi cở phiếu của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 được niêm yết giao dịch tập trung;

e) “Báo cáo thường niên” là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty được lập hàng năm và công bố theo định kỳ;

f) “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

g) "SGDCK" là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;

h) "TTLKCK" là Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

i) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

j) Người nội bộ của Công ty, bao gồm:

- Thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát;
- Giám đốc, Phó Giám đốc; hoặc các chức danh quản lý tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Kế toán trưởng;

- Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty, bao gồm:

k1. Công ty mẹ, người quản lý Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;

k2. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

k3. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, Công ty quy định tại các Điểm k1 đến Điểm k3;

Điều 3. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố sau:

a. Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (website: truongson532.com.vn) và các ấn phẩm khác của Công ty (nếu có);

b. Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;

c. Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;

d. Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;

e. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Công ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

2. Khi công ty công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin quy định công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

4. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin:

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt các nội dung công bố thông tin.

2. Công ty phải thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin này cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của người công bố thông tin

1. Đại diện cho Công ty trong việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật và tại quy chế này.

2. Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;

3. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra nhân viên tổng hợp thông tin lập báo cáo theo đúng quy định;

4. Đề xuất, kiến nghị với Lãnh đạo Công ty về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung quy chế này;

5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Công ty;

6. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ. Liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc tạm hoãn công bố thông tin được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...). Người được ủy quyền công bố thông tin lập văn bản trình Giám đốc ký và gửi báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Các trường hợp công bố thông tin

1. Công bố thông tin định kỳ.
2. Công bố thông tin bất thường.
3. Công bố thông tin theo yêu cầu.
4. Các trường hợp khác phải công bố thông tin:

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ:

1. Báo cáo tài chính năm:
 - a. Công ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính năm (hoặc báo cáo tài chính hợp nhất nếu có) đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ

chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm:

- . Bảng cân đối kế toán;
- . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- . Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

c. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ tất cả nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng thuyết minh báo cáo tài chính. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

d. Công ty công bố đầy đủ nội dung thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty, trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

2. Báo cáo tài chính bán niên:

a. Công ty phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên (sáu tháng đầu năm tài chính) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

b. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên tương tự Điểm b Khoản 1 Điều này.

c. Báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

3. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với

báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

4. Báo cáo thường niên:

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo Phụ lục IV - Thông tư 155/2015/TT-BTC trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

5. Báo cáo tình hình quản trị công ty:

Định kỳ năm, Công ty phải lập và công bố thông tin về báo cáo tình hình Quản trị công ty theo Phụ lục số 05 - Thông tư 155/2015/TT- BTC trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

6. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin định kỳ về nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường (kể cả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu lấy ý kiến, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hoặc khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung;

c) Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm trường họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

d) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

n) Khi Công ty có sự thay đổi người nội bộ (bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm). Báo cáo theo Phụ lục số 03- Thông tư 155/2015/TT-BTC trong vòng 03 ngày kể từ ngày thay đổi;

o) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

p) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét;

q) Có quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế, bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty; thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r) Có quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty;

s) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;

t) Sự kiện khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, UBCKNN và SGĐCK trong thời hạn chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Công bố vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

5. Công bố quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như thay đổi kỳ kế toán, khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp. Công ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định pháp luật.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 13. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; hoặc khi không còn là cổ đông lớn; hoặc khi có sự tăng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo quy định tại Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương III: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Quy trình công bố thông tin

1. Bước 1: Chuẩn bị thông tin

- Vào thời điểm kết thúc quý hay kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định, Người được ủy quyền công bố thông tin thông báo tới các bộ phận có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố của Công ty.

- Các phòng, ban có liên quan phải lập báo cáo và gửi đến người công bố thông tin theo thời gian cụ thể của từng trường hợp công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu.

- Vì bất cứ lý do gì, các phòng, ban có liên quan trực tiếp phải chuẩn bị nội dung nộp báo cáo cho Người được ủy quyền công bố thông tin theo qui chế này.

2. Bước 2: Kiểm tra, phê duyệt

Sau khi thẩm định văn bản công bố thông tin, Người được ủy quyền công bố thông tin trình Giám đốc hoặc Phó Giám đốc (trong trường hợp Giám đốc vắng mặt) phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện; ký tên và đóng dấu văn bản công bố trước khi thực hiện công bố.

3. Bước 3: Công bố thông tin

Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về công bố thông tin và Quy chế này.

4. Bước 4: Tiếp nhận các thông tin phản hồi:

Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin liên quan và đề xuất cho Giám đốc về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

5. Bước 5: Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

- Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, ban trong việc cung cấp thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các phòng, ban cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.

2. Trưởng các phòng, ban chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, trưởng các phòng, ban (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị và Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các Phòng ban và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

2. Các phòng ban tham mưu, giúp việc, các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến cho cán bộ nhân viên trong đơn vị biết để thực hiện tốt công việc được giao.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

5. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đại Tá
ĐẶNG VĂN QUÂN

PHỤ LỤC
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

STT	Loại thông tin/Cơ quan cung	Thời gian công bố	Ghi chú
1	THÔNG TIN ĐỊNH KỲ		
1.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính	10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán (chậm nhất là sau 90 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính)	Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng.
1.2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính	05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét và không quá 45 ngày (hoặc 60 ngày đối với công ty mẹ) kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm	Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.
1.3	Báo cáo tài chính quý Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính	Trong thời hạn 20 ngày (hoặc 30 ngày đối với công ty mẹ) kể từ ngày kết thúc quý	Không cần kiểm toán, LNST biến động 10% hoặc KQKD lỗ so với cùng kỳ, có sự chênh lệch từ 5% trở lên giữa BCTC quý 2 so với BCTC bán niên hoặc BCTC quý 4 so với BCTC năm. Chênh lệch BCTC trước và sau kiểm toán phải giải trình nguyên nhân.
1.4	Báo cáo thường niên Cơ quan : Thư ký HĐQT (các CQ phối hợp)	20 ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Theo phụ lục 04
1.5	Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ năm Cơ quan : Thư ký HĐQT	30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Theo phụ lục 05
1.6	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, gồm : Cơ quan : Phòng TCLD-Hành chính		
1.6.1	Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên	24 giờ kể từ khi kết thúc Đại hội	

STT	Loại thông tin/Cơ quan cung cấp	Thời gian công bố	Ghi chú
1.6.2	Tài liệu hợp DHDCĐ bao gồm : Thông báo mời hợp; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự hợp; Chương trình hợp; Phiếu biểu quyết; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT hoặc BKS; Các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình hợp.	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc hợp DHDCĐ	
1.7	Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (nếu có) Cơ quan : Thư ký HĐQT	06 tháng/lần kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án, hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được.	Mục đích huy động vốn cho dự án đầu tư.
2	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG		
2.1	Nghị quyết; Quyết định; Biên bản họp; Biên bản kiểm phiếu của DHDCĐ Cơ quan : Thư ký HĐQT	24 giờ kể từ khi xảy ra	
2.2	VCSH giảm 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm 10% trong BCTC năm đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên đã soát xét. Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính	24 giờ kể từ khi xảy ra	
2.3	Nghị quyết HĐQT (tăng giảm vốn điều lệ; góp vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản; góp vốn có giá trị từ 50% tổng vốn của công ty nhận vốn góp; thông qua HĐ vay, cho vay có giá trị $\geq 50\%$ tổng tài sản; liên quan mua bán CP quỹ, cổ tức, ngày thực hiện quyền mua CP của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua CP hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang CP và các quyết định liên quan đến việc chào bán) Cơ quan : Thư ký HĐQT	24 giờ kể từ khi xảy ra	

STT	Loại thông tin/Cơ quan cung cấp	Thời gian công bố	Ghi chú
2.4	<p>Thông tin về việc hủy niêm yết được ĐHCĐ thông qua kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn; Được chấp thuận hoặc bị bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p> <p>Cơ quan : Thư ký HĐQT</p>	24 giờ kể từ khi xảy ra	
2.5	<p>Các vấn đề liên quan đến kế toán : Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)</p> <p>Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính</p>	24 giờ kể từ khi xảy ra	
2.6	<p>Các vấn đề liên quan đến kiểm toán : BC kiểm toán có loại trừ/không chấp nhận/từ chối của tổ chức kiểm toán đối với BCTC; Công bố công ty kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm; Thay đổi công ty kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) hoặc việc từ chối kiểm toán BCTC của công ty kiểm toán; Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)</p> <p>Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính</p>	24 giờ kể từ khi xảy ra	
2.7	<p>Các vấn đề liên quan đến luật pháp và nhân sự (Thay đổi Giấy CNĐKKD; Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa; Tạm ngừng một phần hay toàn bộ hoạt động kinh doanh; Vi phạm thuế; Nhân sự chủ chốt thay đổi hoặc bị khởi tố)</p> <p>Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính</p>	24 giờ kể từ khi xảy ra	

STT	Loại thông tin/Cơ quan cung cấp	Thời gian công bố	Ghi chú
2.8	<p>Thông tin liên quan đến các khoản vay : Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ 30% VCSH; Quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% VCSH trở lên khi tổng các khoản vay của công ty đã đạt từ 30% VCSH trở lên; Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.</p> <p>Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính</p>	24 giờ kể từ khi xảy ra	
2.9	<p>Các thông tin khác : Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ 30% VCSH, tòa án yêu cầu mở thủ tục phá sản DN, khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm.</p> <p>Cơ quan : Phòng Kế toán - Tài chính</p>	24 giờ kể từ khi xảy ra	
3	<p>Thông tin theo yêu cầu</p> <p><i>Các cơ quan theo chức năng</i></p>	24 giờ kể từ khi xảy ra	Theo UBCKNN, SGDCK yêu cầu